

	VITAL TECHNICAL SDN. BHD.		 
	Tài liệu kỹ thuật		
	VT-210 / VT-210S Keo Trám Năng Suất Cao		

Issuance date: 31/03/2008

Revision date: 21/11/2023

Revision No.: 23-03

VT-210 / VT-210S Keo Trám Năng Suất Cao

Keo Silicone Trung Tính 100%



GỐC HÓA HỌC

Silicone polymer

TRẠNG THÁI VẬT LÝ

Keo mềm, không chảy xệ
(Trước khi đông rắn)
Cao su đàn hồi
(Sau khi đông rắn)

MÀU SẮC CHUẨN

Trong suốt
Màu trắng
Màu xám
Màu đen

MÀU SẮC ĐẶC BIỆT (Sản xuất theo yêu cầu)

Màu nhôm
Màu xám nhạt
Màu xám đậm
Màu hồng

THỜI GIAN KHÔ BỀ MẶT

10 – 30 phút (tại 25°C và độ ẩm tương đối (R.H) 50%)

ĐÓNG GÓI

300 mL/ống
(24 ống/thùng)
600 g/xúc xích
(20 xúc xích/thùng)
20 kg/ thùng

SHELF LIFE

13 tháng (ống)
15 tháng (xúc xích)

ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN

Bảo quản nơi khô ráo, thông thoáng với nhiệt độ môi trường thấp hơn 30°C

NHIỆT ĐỘ SỬ DỤNG

-20 °C – 50 °C

KHẢ NĂNG CHỊU NHIỆT

Lên đến 150°C

MÔ TẢ



Là loại keo silicone lưu hóa trung tính năng suất cao một thành phần có công thức nhằm tạo độ bám và độ bền cao. Có khả năng tuyệt vời trong việc chịu tác động của thời tiết ngoài trời, rung lắc, độ ẩm, nhiệt độ khắc nghiệt, v.v...

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Cơ chế đóng rắn	: Đóng rắn với hơi ẩm, môi trường trung tính	
Khối lượng riêng	: 1.02 g/mL	
Độ sụt, lún	: <1 mm	ASTM D2202
Cường độ kéo	: 1.7 N/mm ²	ASTM D412
Độ giãn dài tối đa	: 370 %	ASTM D412
Khả năng chuyển vị	: ±50 %	ASTM C719
	: ±25 %	ISO 11600
Độ cứng Shore A	: 25	ASTM C661
Tuần thủ VOC thấp	: Yes	SCAQMD Rule 1168
Hàm lượng VOC	: 43.68 g/L	USEPA Method 24
	: 0.86 %	USEPA Method 310

Tính năng

- An toàn tiếp xúc thực phẩm
- ±50 % khả năng đàn hồi
- Chống phong hóa tốt
- Linh hoạt vĩnh viễn
- Sử dụng cả trong nhà lẫn ngoài trời

Thí nghiệm áp dụng / Tiêu chuẩn

- VT-210 meets the requirements of:
- ASTM C920 & ASTM C719, Type S, Grade NS, Class 50, Use NT, M, A & G
 - ISO 11600, F Class 25 LM
 - Leadership in Energy and Environmental Design (LEED) v4.1 EQ compliant
 - Low VOC - USEPA Method 24 under SCAQMD Rule 1168 & USEPA Method 310
 - FDA 21 CFR Part 175.300 (Food Contact Safe)
 - AS/NZS 4020:2018, Testing of Products for Use in Contact With Drinking Water. (VT-210 Grey)
 - Sirim Test - ASTM D412: 2016 & MS1583-Part 1-2003
 - RoHS I, RoHS II, RoHS III & SVHC

Các ứng dụng

- Rất thích hợp dùng trong công tác hàn gắn chống phong hóa mạnh mẽ cho hầu hết các vật liệu xây dựng như kính, nhôm, thép mạ kẽm và tráng kẽm, các bề mặt sơn, gạch xây, bê tông và liên kết gương. Lý tưởng cho công tác hàn gắn các khớp nối kim loại ứng dụng trong lợp mái, máng xối và tấm ốp.

CHUẨN BỊ BỀ MẶT

- Tất cả bề mặt phải được khô và sạch; loại bỏ bụi bẩn, mỡ, dầu hoặc nước đọng
- Để hoàn thiện gọn gàng hơn, sử dụng băng keo chuyên dụng và tháo bỏ ngay sau khi thi công.
- Sơn lót 602 được đặc biệt được khuyên dùng cho các bề mặt rỗ, xốp như bê tông để có được độ bám dính tốt nhất.
- Đối với các khe trám được thiết kế có độ sâu trên 10 mm, sử dụng các vật liệu đệm đã được phê duyệt

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Dạng ống:

- Cắt đầu ống thật cẩn thận.
- Cắt đầu vòi theo đường kính thích hợp với một góc từ 45° đến 60°.
- Sử dụng súng bơm và bơm keo trám thành 1 đường.
- Miết keo trám bằng dụng cụ chuyên dụng sạch và khô khi keo trám còn ướt để tạo bề mặt trơn láng.

	VITAL TECHNICAL SDN. BHD.	 
	Tài liệu kỹ thuật	
	VT-210 / VT-210S Keo Trám Năng Suất Cao	

Issuance date: 31/03/2008

Revision date: 21/11/2023

Revision No.: 23-03

VT-210

Keo Trám Năng Suất Cao

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Xúc xích:

1. Cắt phần đầu xúc xích thật cẩn thận và đặt xúc xích vào súng.
2. Cắt đầu vôi theo đường kính thích hợp với một góc từ 45° đến 60°.
3. Lắp đầu vôi vào súng và vặn chặt.
4. Bơm keo trám thành 1 đường.
5. Miết keo trám bằng dụng cụ chuyên dụng sạch và khô khi keo trám còn ướt để tạo bề mặt trơn láng.

VỆ SINH

- Keo trám ướt có thể được lau sạch với acetone hoặc dung môi thích hợp.
- Keo trám sau khi đông rắn chỉ có khả năng được loại bỏ bằng cơ học.

THIẾT KẾ MỐI NỐI

- Kích thước của đường keo trám nên được tính toán để phù hợp với khả năng nén và giãn của keo trám liên quan đến chiều rộng dự kiến của mối nối do sự giãn nở và co ngót.
- Thông thường, độ rộng của đường keo trám nên được tính toán dựa trên cơ sở khả năng chuyển vị tối đa $\pm 50\%$.
- Độ sâu tối thiểu không được phép nhỏ hơn 6 mm để phù hợp với chuyển động.
- Tỷ lệ chiều rộng và chiều sâu của khe trám được thiết kế nên là 2:1

ĐỊNH MỨC

Chiều rộng	Chiều sâu	Định mức (300 ml) *
6 mm	6 mm	7.58 mét
10 mm	10 mm	2.73 mét
20 mm	10 mm	1.36 mét
25 mm	12 mm	0.91 mét

* Định mức ở trên là gần đúng, dựa trên giả định hao hụt 10%. Định mức thực tế có thể thay đổi.

Công thức tính:

$$X / [(Y \times Z) \times 1.1] = \text{định mức}$$

X = thể tích của ống (hay dạng xúc xích) ml

Y = độ rộng khe cm

Z = độ sâu khe cm

1.1 = hao hụt giả định 10%.

Định mức = độ dài kéo đạt được trên mỗi ống hoặc xúc xích.

HẠN CHẾ

Khuyến cáo không được sử dụng cho các ứng dụng sau:

- Ứng dụng kính kết cấu
- Dưới nước hoặc ngâm trong nước vĩnh viễn.
- Các khu vực có sự lưu thông chịu mài mòn
- Polycarbonate và polyacrylate, nếu chịu lực căng.
- Các ứng dụng yêu cầu keo trám được sơn phủ.
- Cao su tổng hợp

CHÚ Ý

Sản phẩm giải phóng methyl ethylketoxime trong quá trình thi công và đông rắn. Có thể gây dị ứng da. Tránh hít hơi. Không được phép mang quần áo bị nhiễm bẩn ra khỏi nơi làm việc. Mang bao tay bảo vệ. **NEU DÍNH VÀO DA:** Rửa sạch bằng xà phòng và nước. Nếu da bị kích ứng hoặc phát ban: Hãy nhận sự tư vấn / chăm sóc y tế. Giặt quần áo nhiễm bẩn trước khi tái sử dụng. Tránh xa tầm tay trẻ em. Chứa aminosilane. Có thể gây nên dị ứng. Tài liệu hướng dẫn an toàn có sẵn theo yêu cầu. Để biết thêm thông tin về sức khỏe và an toàn, hãy tham khảo thêm tài liệu an toàn mới nhất.

GHI CHÚ PHÁP LÝ

Mọi nỗ lực đã được thực hiện để đảm bảo rằng thông tin được cung cấp ở đây là đúng sự thật và đáng tin cậy nhưng nó chỉ được cung cấp để hướng dẫn khách hàng của chúng tôi. Công ty không thể chịu bất kỳ trách nhiệm nào về mất mát hoặc thiệt hại có thể xảy ra do việc sử dụng thông tin, do khả năng thay đổi của quá trình xử lý hoặc điều kiện làm việc và tay nghề nằm ngoài tầm kiểm soát của chúng tôi. Người tiêu dùng nên xác nhận tính phù hợp của sản phẩm này bằng các thử nghiệm trước khi sử dụng.